

Name: .....  
 Date: .../.../ 20...  
 Class: S4  
 Tel: 034 200 9294



Vocab & Gram: .....  
 Mini Test: .....

## GIVING DIRECTIONS

- ❖ **Lưu ý:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1** dòng để ghi nhớ nhé.

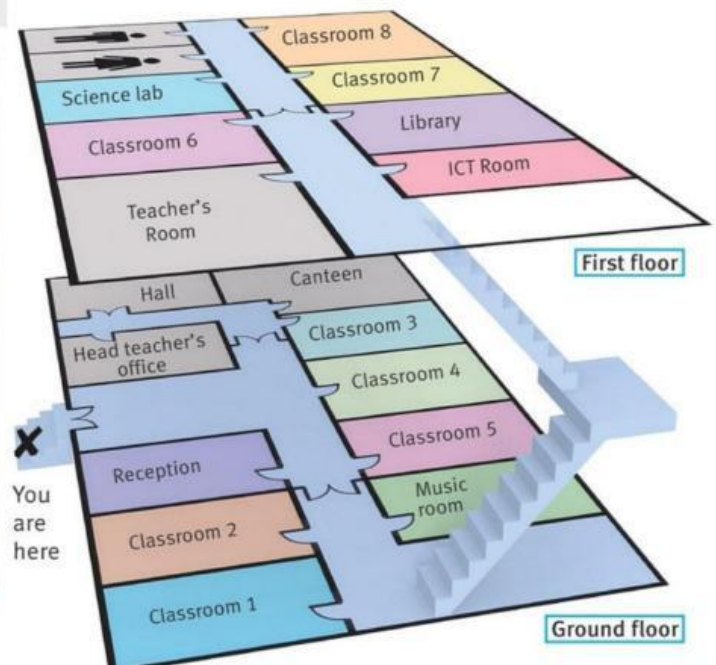
### A. VOCABULARY

No.	Words	Meaning	No.	Words	Meaning
1	corridor (n)	hành lang	6	go through	đi qua (cửa)
2	excuse me	xin lỗi, xin phép, xin chú ý	7	go along	đi dọc theo (hành lang)
3	turn left/ right at the first corner	rẽ trái/ phải ở ngã rẽ đầu tiên	8	turn left/ right at the second corner	rẽ trái/ phải ở ngã rẽ thứ hai
4	go upstairs / downstairs	lên lầu/ xuống lầu	9	go past	đi ngang qua
5	It's on the left/ right.	Nó ở bên trái/ phải.			

- ❖ **Note:** adj = adjective: tính từ, n = noun: danh từ  
 ❖ **Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

Link nghe: <https://drive.google.com/file/d/1pNpdDeKu9LHoeh11K2WN4H27XZZXQyv6/view?usp=sharing>

Zoe Excuse me. Where's the science lab?  
 Finn It's opposite classroom 7.  
 Zoe Oh, right. Where's that? I'm new here.  
 Finn Oh, OK. Go along this corridor and turn right.  
 Zoe Yes ...  
 Finn Go through the doors, and go up the stairs to the first floor. Turn right. Go past the library. The science lab is on the left.  
 Zoe Could you repeat that, please? Turn right, go past ...  
 Finn Turn right. Go past the library. The science lab is on the left.  
 Zoe Thanks very much.  
 Finn That's OK.



## B. HOMEWORK

### I. Match 1-6 with a-f. Then label the pictures below.

- |              |                                     |                 |
|--------------|-------------------------------------|-----------------|
| 1 Go past    | <input checked="" type="checkbox"/> | a the stairs.   |
| 2 Go along   | <input type="checkbox"/>            | b left.         |
| 3 Go down    | <input type="checkbox"/>            | c the corridor. |
| 4 Turn       | <input type="checkbox"/>            | d the gym.      |
| 5 It's on    | <input type="checkbox"/>            | e the doors.    |
| 6 Go through | <input type="checkbox"/>            | f the right.    |



1 \_\_\_\_\_



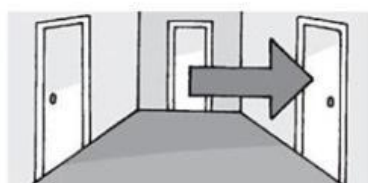
2 \_\_\_\_\_



3 \_\_\_\_\_



4 \_\_\_\_\_



5 \_\_\_\_\_



6 \_\_\_\_\_

### II. Choose the correct option.

0. Tokyo is extremely hot and \_\_\_\_\_ in mid-summer.

A. humid

B. stormy

C. tornado

1. \_\_\_\_\_ me. Where's the canteen?

A. Right

B. Corridor

C. Excuse

2. Turn right. \_\_\_\_\_ the reception. The music room is on the left.

A. Go past

B. Go along

C. Excuse me

3. Go \_\_\_\_\_ the street. Turn right at the \_\_\_\_\_ corner. The museum is on the left.  
 A. through/ first                      B. along/ first                      C. past/ second
4. His room is along the \_\_\_\_\_.  
 A. stairs                      B. canteen                      C. corridor
5. My cousin went \_\_\_\_\_ to get dressed.  
 A. upstairs                      B. right                      C. left

III. Fill in the blanks.

<b>stormy</b>	<b>thunder</b>	<b>blizzard</b>	<b>cyclone</b>	<b>flood</b>	<b>tornado</b>
---------------	----------------	-----------------	----------------	--------------	----------------

0. <b>stormy</b>	<i>a weather condition with strong winds and heavy rain or snow</i>
1. _____	a very serious snow storm with strong winds
2. _____	a dangerous wind that spins upside down and can destroy buildings as it moves along the ground.
3. _____	the loud noise that you hear after a flash of lightning, during a storm
4. _____	a violent tropical storm in which strong winds move in a circle
5. _____	a large amount of water covering an area that is usually dry

IV. Circle the correct answer.

0. You (should) / **mustn't**) brush your teeth twice a day.
1. The movie (**who** / **that**) we watched last night was funny.
2. (**Would you like** / **Will you like**) me to come with you?
3. She (**visited** / **is visiting**) her friends next weekend.
4. We (**mustn't** / **should**) shout in the library. That's rude!
5. He (**was reading** / **read**) a comic book when his brother called him.



## MINI TEST

### I. Match.

0. He travelled to Japan	A. two years ago.
1. The conservationist works	B. cookies with her grandmother on weekends.
2. She loves to bake	C. on weekends for exercise and adventure.
3. The bear found a den to	D. the forest and discovered hidden trails.
4. He enjoys rock climbing	E. to protect endangered species.
5. They went to explore	F. hibernate (ngủ đông) for the winter.

Your answers:

0 - A      1 - \_\_\_\_\_      2 - \_\_\_\_\_      3 - \_\_\_\_\_      4 - \_\_\_\_\_      5 - \_\_\_\_\_

❖ **Lưu ý:** Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở **1 dòng**.

### II. Complete the sentences using the verbs in brackets. Use the Past Simple.

0. I met (**meet**) my friend for lunch yesterday.

1. We \_\_\_\_\_ (**don't celebrate**) her birthday at a restaurant last week.

2. I \_\_\_\_\_ (**see**) a shooting star last night.

3. He \_\_\_\_\_ (**dance**) at the party last Saturday.

4. My dad \_\_\_\_\_ (**buy**) a new watch last month.

5. They \_\_\_\_\_ (**don't play**) board games all night long.

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!



# MINI TEST

## I. Match.

0. He travelled to Japan	G. two years ago.
1. The conservationist works	H. cakes by herself.
2. She loves to bake	I. on Sundays for fun.
3. The bear found a den to	J. the forest and discovered hidden trails.
4. He enjoys rock climbing	K. to protect endangered species.
5. They went to explore	L. sleep through the winter.

Your answers:

0 - G      1 - \_\_\_\_\_      2 - \_\_\_\_\_      3 - \_\_\_\_\_      4 - \_\_\_\_\_      5 - \_\_\_\_\_

## II. Complete the sentences using the verbs in brackets. Use the Past Simple.

0. I met (**meet**) my friend for lunch yesterday.

1. We \_\_\_\_\_ (**celebrate**) her birthday at a restaurant last week.

2. I \_\_\_\_\_ (**don't see**) a shooting star last night.

3. He \_\_\_\_\_ (**dance**) at the party last Saturday.

4. My dad \_\_\_\_\_ (**don't buy**) a new watch last month.

5. They \_\_\_\_\_ (**play**) board games all night long.

❖ **Lưu ý:** Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở **1** dòng.

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

